

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười ngàn đồng), được chia thành 3.050.781 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội. Mã cổ phiếu: ACE.

Trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thế Hiển	Nguyên Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2022)
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch (Bầu ngày 20/4/2022)
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên (Bầu từ ngày 20/4/2022)
Ông Lê Duy Cửu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Gân Em	Thành viên
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên
Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2022)
Ông Trần Vương Đức	Thành viên (Bầu từ ngày 20/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Lê Duy Cửu	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Gân Em	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Duy Cửu

Giám đốc

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Số: 93/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang, được lập ngày 18/3/2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		153.510.353.608	159.110.941.057
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.139.574.737	29.080.905.158
1. Tiền	111		17.139.574.737	29.080.905.158
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		127.687.139	127.687.139
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	584.000.000	584.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(456.312.861)	(456.312.861)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.035.802.315	64.825.572.771
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	78.817.444.771	74.396.025.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	257.107.655	8.400.787.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	613.245.143	790.363.567
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(16.651.995.254)	(18.761.604.695)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	73.147.537.721	64.455.014.291
1. Hàng tồn kho	141		73.147.537.721	64.455.014.291
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		59.751.696	621.761.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	59.751.696	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	618.188.289
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	3.573.409
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		21.548.463.496	22.822.042.309
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		14.425.175.245	16.718.443.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	13.370.370.590	15.663.638.861
- Nguyên giá	222		122.183.550.567	119.825.404.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.813.179.977)	(104.161.765.231)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.054.804.655	1.054.804.655
- Nguyên giá	228		2.447.373.655	2.447.373.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.392.569.000)	(1.392.569.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	45.002.148
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	45.002.148
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.900.000.000	3.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	3.900.000.000	3.900.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.223.288.251	2.158.596.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.223.288.251	2.158.596.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		175.058.817.104	181.932.983.366

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		103.564.138.891	108.963.728.191
I- Nợ ngắn hạn	310		103.564.138.891	108.963.728.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	20.507.944.554	30.328.569.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	797.276.511	8.353.854.246
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.955.500.089	2.106.878.029
4. Phải trả người lao động	314		9.712.679.117	8.150.326.690
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.000.000	80.961.305
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	709.210.371	678.263.971
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	58.504.151.669	39.614.106.088
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	11.138.710.999	19.482.604.981
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		168.665.581	168.163.081
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		71.494.678.213	72.969.255.175
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	71.494.678.213	72.969.255.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.507.810.000	30.507.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.507.810.000	30.507.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.908.000	135.908.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.758.769.220	22.758.769.220
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.092.190.993	19.566.767.955
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		838.253.455	342.211.976
- LNST chưa phân phối kì này	421b		17.253.937.538	19.224.555.979
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		175.058.817.104	181.932.983.366

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn



Trịnh Tấn Đệ



Lê Duy Cửu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	313.255.998.102	251.196.194.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	313.255.998.102	251.196.194.286
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	265.287.146.549	196.769.987.318
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.968.851.553	54.426.206.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	361.095.597	519.586.294
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.172.910.774	2.168.491.806
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.131.382.912</i>	<i>2.031.933.286</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	4.085.878.658	7.699.921.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	19.834.497.945	19.824.816.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		21.236.659.773	25.252.563.471
11. Thu nhập khác	31	6.7	744.098.275	1.598.304.569
12. Chi phí khác	32	6.7	430.036.125	2.916.973.066
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	314.062.150	(1.318.668.497)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		21.550.721.923	23.933.894.974
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.296.784.385	2.837.206.759
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.872.132.236
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		17.253.937.538	19.224.555.979
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	5.656	4.663

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn





Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cứu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.550.721.923	23.933.894.974
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.764.760.201	5.233.617.679
- Các khoản dự phòng	03		(10.453.503.423)	5.272.485.750
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(482.409.991)	(519.586.294)
- Chi phí lãi vay	06		3.131.382.912	2.031.933.286
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		19.510.951.622	35.952.345.395
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.521.141.595	(466.608.481)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.692.523.430)	(17.954.592.972)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.232.458.377)	(17.748.442.366)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.124.443.302)	252.704.897
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.131.382.912)	(2.015.971.981)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.887.206.759)	(6.855.370.564)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		171.202.500	171.202.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		(5.170.700.000)	(5.281.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.035.419.063)	(13.946.333.572)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.471.491.930)	(7.314.401.889)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		272.222.222	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		210.187.769	519.586.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.989.081.939)	(6.794.815.595)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		225.484.117.587	159.744.870.318
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(206.594.072.006)	(158.827.510.952)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.806.875.000)	(13.648.216.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.083.170.581	(12.730.856.634)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.941.330.421)	(33.472.005.801)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.080.905.158	62.552.910.959
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	17.139.574.737	29.080.905.158

Người lập



Huỳnh Thanh Mẫn

Kế toán trưởng



Trịnh Tấn Đệ

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Lê Duy Cửu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười ngàn đồng*), được chia thành 3.050.781 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội. Mã cổ phiếu: ACE.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 349 người (tại ngày 31/12/2021 là 373 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 110KV, điện dân dụng và công nghiệp; Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, công cộng, cơ sở hạ tầng, thủy lợi và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép, sản phẩm phi tiêu chuẩn); Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư và thiết bị kỹ thuật; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Tư vấn đầu tư, xây dựng; chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp. Thiết kế sản phẩm bê tông ly tâm ứng lực trước, sản phẩm cầu kiện bê tông đúc sẵn của công ty; Nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản (tuân thủ các qui định pháp luật về đất đai môi trường, xây dựng và những văn bản khác có liên quan trước khi tiến hành sản xuất, chế biến); Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn)/.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp, cung cấp sản phẩm bê tông cho các công trình dân dụng và công nghiệp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, đơn đặt hàng, dự án mà Công ty thực hiện.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 - 10
Máy móc, thiết bị khác	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Tài sản vô hình là các Quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 308 tờ bản đồ số 20, đường Trần Quang Khải, Khóm Trung An, phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 25, phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 26, phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến tháng 01/2051.

Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến ngày 30/12/2066.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong thời gian 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước 01 lần cho cả thời gian thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, dự phòng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và dự phòng khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán..

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng trong năm, Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	338.477.022	187.700.846
Tiền gửi ngân hàng	16.801.097.715	28.893.204.312
Tổng	17.139.574.737	29.080.905.158

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, xóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Số lượng	Giá gốc hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc hợp lý (i)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện Bạc Liêu	1.000	108.000.000	-	1.000	108.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	47.600	476.000.000	(456.312.861)	47.600	476.000.000	(456.312.861)
Tổng		584.000.000	(456.312.861)		584.000.000	(456.312.861)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý (ii)	Giá gốc	Giá hợp lý (ii)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	26%	26%	3.900.000.000	3.315.000.000	3.900.000.000	5.570.463.749
Tổng			3.900.000.000	-	3.900.000.000	-

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 31/12/2021. Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 035/2023/BCKT-HT.00153 ngày 13/3/2023 thì Vốn chủ sở hữu (mã 410) là 28.102.945.480 VND, giá trị này cao hơn Vốn góp của chủ sở hữu (mã 411) nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Điện Bạc Liêu	14.599.241.169	11.051.732.595
Phải thu các đối tượng khác	64.218.203.602	63.344.293.354
Tổng	78.817.444.771	74.396.025.949

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hangzhou Novoland Imp. And Exp. Co., LTD	-	8.078.058.127
Các đối tượng khác	257.107.655	322.729.823
Tổng	257.107.655	8.400.787.950

5.5 Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	200.415.291	-
Tạm ứng	156.488.428	-	74.189.570	-
Phải thu khác (i)	456.756.715	-	515.758.706	-
Tổng	613.245.143	-	790.363.567	-

(i) Chi tiết Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN Cán bộ nhân viên Công ty	189.165.226	-	205.296.194	-
Cổ tức Công ty CP Bê tông Ly tâm Dung Quất	24.000.000	-	24.000.000	-
Phải thu cán bộ nhân viên	243.591.489	-	286.462.512	-
Tổng	456.756.715	-	515.758.706	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần CK XLĐ Bạc Liêu	1.084.222.131	758.955.492	9.943.608.795	6.115.148.885
Công ty Cổ phần XL TM Chánh Phúc	4.473.464.600	2.236.732.300	4.473.464.600	3.131.425.220
Công ty TNHH XD & TM 939	2.837.656.820	1.986.359.774	4.073.503.500	2.236.073.950
Cty TNHH XD Phát triển Miền Nam	2.505.617.800	1.150.053.860	3.011.791.500	1.505.895.750
Công ty TNHH XDD Minh Sang	5.214.309.789	3.650.016.852	1.641.048.953	760.166.886
Các đối tượng còn lại	17.013.309.171	6.694.466.779	15.529.557.091	6.162.659.053
Tổng	33.128.580.311	16.476.585.057	38.672.974.439	19.911.369.744
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>		<i>16.651.995.254</i>		<i>18.761.604.695</i>

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.891.242.272	-	24.754.027.552	-
Công cụ, dụng cụ	366.043.820	-	453.512.509	-
Thành phẩm	38.774.883.629	-	39.246.494.230	-
Hàng hóa	115.368.000	-	980.000	-
Tổng	73.147.537.721	-	64.455.014.291	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	40.230.129.563	38.071.710.865	23.089.173.847	610.737.340	17.823.652.477	119.825.404.092	
Tăng trong năm	763.287.581	1.114.693.133	1.185.253.890	-	408.257.326	3.471.491.930	
Mua, gia công trong năm	-	1.114.693.133	1.185.253.890	-	408.257.326	2.708.204.349	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	763.287.581	-	-	-	-	763.287.581	
Giảm trong năm	-	(58.800.000)	(1.054.545.455)	-	-	(1.113.345.455)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.545.455)	-	-	(1.054.545.455)	
Giảm khác	-	(58.800.000)	-	-	-	(58.800.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	40.993.417.144	39.127.603.998	23.219.882.282	610.737.340	18.231.909.803	122.183.550.567	

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2022	36.140.253.930	33.747.933.307	17.491.870.633	534.266.792	16.247.440.569	104.161.765.231	
Tăng trong năm	1.798.436.639	1.325.119.014	1.413.424.558	20.286.672	1.207.493.318	5.764.760.201	
Khấu hao trong năm	1.798.436.639	1.325.119.014	1.413.424.558	20.286.672	1.207.493.318	5.764.760.201	
Giảm trong năm	-	(58.800.000)	(1.054.545.455)	-	-	(1.113.345.455)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.545.455)	-	-	(1.054.545.455)	
Giảm khác	-	(58.800.000)	-	-	-	(58.800.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	37.938.690.569	35.014.252.321	17.850.749.736	554.553.464	17.454.933.887	108.813.179.977	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2022	4.089.875.633	4.323.777.558	5.597.303.214	76.470.548	1.576.211.908	15.663.638.861	
Tại ngày 31/12/2022	3.054.726.575	4.113.351.677	5.369.132.546	56.183.876	776.975.916	13.370.370.590	

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 3.925.018.409 VND (tại ngày 01/01/2022: 6.746.270.211 VND).

Tại ngày 31/12/2022 tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý là 86.855.114 VND (tại ngày 01/01/2022 tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý là 1.141.400.569 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 91.528.176.094 VND (tại ngày 01/01/2022 là 86.817.631.274 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.447.373.655	2.447.373.655
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>2.447.373.655</u>	<u>2.447.373.655</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.392.569.000	1.392.569.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>1.392.569.000</u>	<u>1.392.569.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.392.569.000 VND (tại ngày 01/01/2022 là 1.392.569.000 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 1.054.804.655 VND (tại ngày 01/01/2022: 1.054.804.655 VND).

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	59.751.696	-
Chi phí sửa chữa hàng rào Nhà Văn hóa	59.751.696	-
Dài hạn	3.223.288.251	2.158.596.645
Chi phí thuê đất (i)	1.581.128.100	1.616.994.900
Chi phí bộ gổ kê tháo khuôn (Bình Hòa)	-	51.810.283
Chi phí sửa chữa hàng rào xưởng cọc	-	73.737.877
Chi phí Bộ gổ kê tháo khuôn (Hạ thế 1)	-	71.814.519
Chi phí cải tạo công trục 5T (Cầu kiện)	27.190.912	139.603.571
Chi phí mở rộng móng công trục 10T (XTT)	102.317.747	204.635.495
Chi phí nâng nền móng máy tiện	304.449.706	-
Chi phí cải tạo nắp hầm hấp (BH)	138.143.167	-
Chi phí sửa chữa hàng rào xưởng cọc (GD2)	127.027.779	-
Chi phí nâng nền kho thép ường ứng lực	147.777.778	-
Chi phí móng gổ kê sản phẩm NM Bình Hòa	591.881.637	-
Chi phí thay điện nguồn cho NM Bình Hòa	203.371.425	-
Tổng	<u>3.283.039.947</u>	<u>2.158.596.645</u>

(i) Chi phí thuê đất là tiền thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời hạn thuê, vị trí tại Phường Bình Đức, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang, diện tích khu đất 1.234 m² với nguyên giá là 1.793.340.000 đồng, Công ty phân bổ tương ứng với thời gian thuê là 50 năm kể từ thời điểm tháng 2 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM Đức Hùng Long Xuyên	4.600.130.819	4.600.130.819	4.491.904.355	4.491.904.355
Công ty Cổ phần Vật tư XD Minh Hà	3.614.938.390	3.614.938.390	3.071.603.600	3.071.603.600
Công ty TNHH Năng lượng Châu Âu	2.755.454.597	2.755.454.597	2.579.497.174	2.579.497.174
DNTN Đức Hùng Long Xuyên	961.990.590	961.990.590	3.448.841.770	3.448.841.770
Các đối tượng còn lại	8.575.430.158	8.575.430.158	16.736.722.901	16.736.722.901
Tổng	20.507.944.554	20.507.944.554	30.328.569.800	30.328.569.800

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Long Thái Sơn	-	1.786.278.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm Nha Trang	372.933.209	1.321.695.320
Các đối tượng khác	424.343.302	5.245.880.926
Tổng	797.276.511	8.353.854.246

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	2.106.878.029	14.685.733.317	14.837.111.257	1.955.500.089
Thuế GTGT		9.288.332.470	8.566.557.561	721.774.909
Thuế xuất, nhập khẩu	-	69.812.568	69.812.568	-
Thuế TNDN	1.587.206.759	4.296.784.385	4.887.206.759	996.784.385
Thuế thu nhập cá nhân	519.519.110	622.219.014	904.867.769	236.870.355
Thuế tài nguyên	152.160	1.274.880	1.356.600	70.440
Tiền thuê đất	-	382.141.103	382.141.103	-
Các loại thuế khác	-	25.168.897	25.168.897	-
Phải thu	3.573.409	3.573.409	-	-
Thuế GTGT nộp thừa	3.573.409	3.573.409	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	536.380.358	503.855.458
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.354.000	88.714.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.476.013	85.694.013
Tổng	709.210.371	678.263.971

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	4.986.260.999	8.881.904.981
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.152.450.000	7.300.700.000
Dự phòng phải trả khác	3.000.000.000	3.300.000.000
Tổng	11.138.710.999	19.482.604.981

19
TY
H
DÁ
TN
NỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, xóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vay ngắn hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	39.402.606.962	39.402.606.962	140.991.949.787	123.404.769.560	21.815.426.735	21.815.426.735
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	19.101.544.707	19.101.544.707	84.492.167.800	83.189.302.446	17.798.679.353	17.798.679.353
Tổng	58.504.151.669	58.504.151.669	225.484.117.587	206.594.072.006	39.614.106.088	39.614.106.088

(i) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/549076/HĐTD ngày 02/11/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/549076/HĐTD ngày 02/11/2021, được lập ngày 07/10/2022 với hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VND.

Mục đích vay

: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thời hạn vay

: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Lãi suất vay

: Lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng cụ thể, hợp đồng bảo lãnh cụ thể, 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Hình thức đảm bảo tiền vay

: Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty. Cụ thể: các quyền sử dụng đất (CD, LNK) và tài sản gắn liền với đất là nhà máy bê tông ly tâm ứng lực của Công ty.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022

: 39.402.606.962 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vay ngắn hạn (Tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang

+ Hợp đồng tín dụng số 90/2022-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 01/11/2022 với hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 VND.

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
Thời hạn vay	: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
Lãi suất vay	: Lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng cụ thể, hợp đồng bảo lãnh cụ thể, 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022	: 19.101.544.707 VND

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.070.726.476	72.473.213.696
Lãi trong năm trước	-	-	-	19.224.555.979	19.224.555.979
Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.728.514.500)	(13.728.514.500)
Số dư tại ngày 31/12/2021	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.566.767.955	72.969.255.175
Số dư tại ngày 01/01/2022	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.566.767.955	72.969.255.175
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.253.937.538	17.253.937.538
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(13.728.514.500)	(13.728.514.500)
Số dư tại ngày 31/12/2022	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	18.092.190.993	71.494.678.213

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết số 12/NQ-ACECO ngày 20/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Trích lập các quỹ:

+ Khen thưởng: 3.000.000.000 VND

+ Quỹ phúc lợi: 800.000.000 VND

+ Thưởng HĐQT, BKS, Thư ký và Giám đốc: 1.200.000.000 VND

- Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 45% trên vốn điều lệ, tương ứng số tiền 13.728.514.500 VND. Trong đó:

+ Đợt 1: tỷ lệ 10%/vốn điều lệ đã được thanh toán vào ngày 27/5/2022.

+ Đợt cuối: tỷ lệ 35%/vốn điều lệ căn cứ theo Nghị quyết số 28/NQ-ACECO-HĐQT ngày 26/07/2022 của Hội đồng Quản trị về việc trả cổ tức đợt cuối năm 2021. Cổ tức đợt cuối năm 2021 được thanh toán vào ngày 15/9/2022 (20% vốn điều lệ) và ngày 20/10/2022 (15% vốn điều lệ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 (VND)			Tại ngày 01/01/2022 (VND)		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	50,7%	1.546.533	15.465.330.000	50,7%	1.546.533	15.465.330.000
Các cổ đông khác	49,3%	1.504.248	15.042.480.000	49,3%	1.504.248	15.042.480.000
Tổng	100%	3.050.781	30.507.810.000	100,0%	3.050.781	30.507.810.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại) VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	30.507.810.000	30.507.810.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	30.507.810.000	30.507.810.000
Cổ tức đã chia	13.728.514.500	13.728.514.500
Chia cổ tức năm 2020	-	13.728.514.500
Chia cổ tức năm 2021	13.728.514.500	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.758.769.220	22.758.769.220
Tổng	22.758.769.220	22.758.769.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số tiền nợ gốc	Số tiền đã thu	Số tiền còn nợ	Số tiền xóa nợ
Công ty TNHH Phước Thạnh	3.295.933.349	264.805.100	3.031.128.249	3.031.128.249
Công ty TNHH XD Công trình Hải Thiên	1.697.520.000	1.453.827.600	243.692.400	243.692.400
Công ty Cổ phần DELTA AGF	1.381.380.000	930.506.867	450.873.133	450.873.133
Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử CETECH	1.061.060.000	300.000.000	761.060.000	761.060.000
Công ty TNHH Hưng Minh	954.140.000	386.308.400	567.831.600	567.831.600
Tổng	8.390.033.349	3.335.447.967	5.054.585.382	5.054.585.382

(i) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2019 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp hội đồng xử lý nợ ngày 31/10/2019 của Hội đồng xử lý nợ Công ty.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.255.998.102	251.196.194.286
Tổng	313.255.998.102	251.196.194.286

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng bán	265.287.146.549	196.769.987.318
Tổng	265.287.146.549	196.769.987.318

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	15.187.769	51.586.294
Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.000.000	468.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	150.907.828	-
Tổng	361.095.597	519.586.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.131.382.912	2.031.933.286
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.527.862	136.558.520
Tổng	3.172.910.774	2.168.491.806

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.678.684.747	2.360.023.114
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.135.233.758	1.999.222.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.286.672	20.286.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.611.882	1.544.579.657
Chi phí bằng tiền khác	660.705.581	488.452.976
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(8.481.274.681)	(7.328.863.181)
Chi phí bảo hành	4.585.630.699	8.616.219.782
Tổng	4.085.878.658	7.699.921.227

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.111.165.212	9.056.914.687
Chi phí vật liệu quản lý	40.639.337	112.001.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	997.128.204	1.307.957.376
Thuế phí và lệ phí	26.443.777	21.169.832
Chi phí dự phòng	4.640.502.534	9.391.603.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.978.086.395	2.734.729.600
Chi phí bằng tiền khác	4.498.255.508	3.410.990.352
Hoàn nhập dự phòng	(7.457.723.022)	(6.210.550.068)
Tổng	19.834.497.945	19.824.816.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	272.222.222	-
Các khoản khác	471.876.053	1.598.304.569
Tổng	744.098.275	1.598.304.569
Chi phí khác		
Chi phí hỗ trợ người lao động (bị ảnh hưởng của dịch Covid 19)	-	2.495.754.879
Các khoản khác	430.036.125	421.218.187
Tổng	430.036.125	2.916.973.066
Lợi nhuận khác	314.062.150	(1.318.668.497)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.384.326.321	159.497.832.400
Chi phí nhân công	50.063.481.356	45.330.139.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.764.760.201	5.233.617.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.550.032.392	10.540.872.432
Chi phí khác bằng tiền	28.626.794.322	18.479.701.416
Tổng	303.389.394.592	239.082.163.120

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.550.721.923	23.933.894.974
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	128.200.000	15.106.194.565
Thù lao của Hội đồng quản trị	72.000.000	72.000.000
Chi phí không được trừ	56.200.000	8.800.000
Doanh thu chịu thuế tính trước	-	-
Chi phí của doanh thu đã tính thuế năm trước	-	15.025.394.565
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	195.000.000	24.854.055.745
Thu nhập từ nhận cổ tức	195.000.000	468.000.000
Doanh thu đã tính thuế năm trước	-	24.386.055.745
1.2 Thu nhập chịu thuế	21.483.921.923	14.186.033.794
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.296.784.385	2.837.206.759
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	-
Thuế TNDN hiện hành	4.296.784.385	2.837.206.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.253.937.538	19.224.555.979
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký và Giám đốc (i)	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.253.937.538	14.224.555.979
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.656	4.663

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, Thư ký và Giám đốc. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022. Theo đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Năm 2021		Chênh lệch
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.224.555.979	19.224.555.979	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký và Giám đốc (i)	(4.998.384.555)	(5.000.000.000)	1.615.445
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.226.171.424	14.224.555.979	1.615.445
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.663	4.663	0,53

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Công ty liên kết

Stt	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Ông Hoàng Thế Hiến	Nguyên Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Duy Cừu	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Thanh Gần Em	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT
6	Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên HĐQT
7	Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên HĐQT
8	Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS
9	Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS
10	Ông Trần Vương Đức	Thành viên BKS
11	Ông Lê Duy Cừu	Giám đốc
12	Ông Nguyễn Thanh Gần Em	Phó Giám đốc

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch HĐQT	50.000.000	-
Ông Hoàng Thế Hiến	Nguyên Chủ tịch HĐQT	138.667.000	49.000.000
Ông Lê Duy Cừu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Gần Em	Thành viên HĐQT	162.286.000	162.286.000
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT	162.286.000	162.286.000
Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên HĐQT	128.953.000	162.286.000
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên HĐQT	33.333.000	-
Tổng		723.525.000	583.858.000

Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS	162.286.000	162.286.000
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS	81.143.000	81.143.000
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên BKS	64.476.000	81.143.000
Ông Trần Vương Đức	Thành viên BKS	16.667.000	-
Tổng		324.572.000	324.572.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Lê Duy Cừ	Giám đốc	1.100.702.312	1.115.272.651
Nguyễn Thanh Gân Em	Phó Giám đốc	428.682.000	474.968.000
Tổng		1.529.384.312	1.590.240.651

c. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Giao dịch mua			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Mua thiết bị	-	351.000.000
Tổng		-	351.000.000

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Giao dịch bán			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Bán sản phẩm	322.727.273	387.058.000
Tổng		322.727.273	387.058.000

d. Số dư phải thu các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2022 VND</u>	<u>01/01/2022 VND</u>
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Góp vốn đầu tư	3.900.000.000	3.900.000.000
Tổng		3.900.000.000	3.900.000.000

e. Số dư phải trả các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2022 VND</u>	<u>01/01/2022 VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cổ tức được chia	-	6.959.398.500
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Mua thiết bị	-	386.100.000
Tổng		-	7.345.498.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**
Quốc lộ 91, xóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu

